

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Bản án số: 09/2025/DS-PT
Ngày: 23 tháng 4 năm 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Trọng Hải

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hiếu
Bà Nguyễn Thị Ly

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Lê Thị Vẹn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 23/2024/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 140/2024/HNGĐ-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2025/QĐ-PT ngày 31/3/2025 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Ông Hà Xuân T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có mặt)

+ *Bị đơn:* Bà Doãn Thị N, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có mặt)

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Doãn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hà Xuân T trình bày:

Về hôn nhân: Ông Hà Xuân T kết hôn với bà Doãn Thị N vào ngày 28/9/2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện không có ai ép buộc. Vợ chồng bà chung sống đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau và chung sống không hòa hợp, gia đình hai bên đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng không thể khắc phục được, vợ chồng ông vẫn sống chung một nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau, không còn quan hệ gì về mặt tình cảm lẫn kinh tế. Nay ông yêu cầu ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông và bà N có hai con chung là Hà Doãn Li N1, sinh ngày 05/01/2017 và Hà Doãn Minh Q, sinh ngày 03/9/2018. Hiện nay hai con chung đang sống với vợ chồng ông. Ông đồng ý giao hai con chung cho bà N nuôi dưỡng, tại phiên hòa giải ông T yêu cầu sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho mỗi cháu, tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm ông thay đổi ý kiến, đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000đ (hai triệu đồng) mỗi tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Doãn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Bà kết hôn với ông T vào ngày 28/9/2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện không có ai ép buộc. Vợ chồng bà chung sống đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T ngoại tình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau và chung sống không hòa hợp, vợ chồng không thể nói chuyện được với nhau, gia đình hai bên đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng không thể khắc phục được, vợ chồng bà vẫn sống chung một nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau, không còn quan hệ gì về mặt tình cảm lẫn kinh tế. Nay bà không đồng ý yêu cầu ly hôn của ông T, bà mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Bà và ông T có hai con chung là Hà Doãn Li N1, sinh ngày 05/01/2017 và Hà Doãn Minh Q, sinh ngày 03/9/2018. Hiện nay hai con chung đang sống với vợ chồng bà. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, bà đồng ý nuôi dưỡng cả hai con chung, tại phiên hòa giải bà không đồng ý với mức cấp dưỡng của ông T mỗi cháu là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) mỗi tháng, bà yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu 5.000.000đ (năm triệu đồng). Tuy nhiên tại phiên tòa, ông T tăng mức cấp dưỡng mỗi cháu 2.000.000đ (hai triệu đồng) mỗi tháng nên bà đồng ý.

Về tài sản chung: Trong quá trình hòa giải, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản nhưng chưa làm đơn yêu cầu. Tòa án đã đề nghị bà N làm đơn yêu cầu và cung cấp tài liệu chứng cứ kèm theo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày

12/7/2024. Tuy nhiên vì mất thời gian để thu thập tài liệu chứng cứ nên sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử thì bà mới nộp bản tự khai và đơn phản tố yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là thửa đất số 608, tờ bản đồ số 23, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Về nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 140/2024/HNGĐ-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã quyết định như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ông Hà Xuân T ly hôn với bà Doãn Thị N.
2. Về nuôi con chung: Giao hai cháu Hà Doãn Li N1, sinh ngày 05/01/2017 và Hà Doãn Minh Q, sinh ngày 03/9/2018 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể xem xét quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

1.4 Về tài sản chung; nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/10/2024 bị đơn bà Doãn Thị N có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 140/2024/HNGĐ-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc theo hướng:

Yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng thửa đất số 608, tờ bản đồ số 23, diện tích 2.778m², xã B, huyện X;

Yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con chung Hà Doãn Li N1, sinh ngày 05/01/2017 và Hà Doãn Minh Q, sinh ngày 03/9/2018, với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 5.000.000 đồng/01 cháu cho đến khi các con đủ 18 tuổi;

Bà N không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Hà Xuân T vì các vấn đề cấp dưỡng, chia tài sản chung chưa được giải quyết, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu ly hôn của ông T nên Tòa án cấp phúc thẩm không giải quyết yêu cầu chia tài sản chung và chấp nhận mức cấp dưỡng như trên.

Quá trình xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa:

Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

** Nguyên đơn ông Hà Xuân T trình bày tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà N yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết vụ án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T thì ông T không đồng ý. Lý do vì ông bà đã sống ly thân nhiều năm nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông vẫn mong muốn Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn.

Về con chung: Ông T bà N có hai con chung Hà Doãn Li N1, sinh ngày 05/01/2017 và Hà Doãn Minh Q, sinh ngày 03/9/2018 ông T đồng ý giao hai con chung cho bà Doãn Thị N nuôi dưỡng đến khi 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Ông T cấp dưỡng nuôi hai con chung Hà Doãn Li N1, sinh ngày 05/01/2017 và Hà Doãn Minh Q, sinh ngày 03/9/2018, với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.500.000 đồng/01 cháu cho đến khi các con đủ 18 tuổi;

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn trình bày tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bà N thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết theo hướng như sau:

Về con chung: Bà Doãn Thị N và ông Hà Xuân T có hai con chung Hà Doãn Li N1, sinh ngày 05/01/2017 và Hà Doãn Minh Q, sinh ngày 03/9/2018 bà trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con của ông T cho mỗi cháu là 2.500.000đồng/1cháu/1 tháng.

Bà N không kháng cáo Bản án sơ thẩm giải quyết về việc ly hôn, chia tài sản chung, nợ chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ *Về tuân theo pháp luật tố tụng*: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa tiến hành công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng. Trong quá trình thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự và những người tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về giải quyết vụ án*: Tại phiên Tòa phúc thẩm bà **N** thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa phúc thẩm không xem xét lại về quan hệ hôn nhân và phần chia tài sản chung và nợ chung, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết về con chung và mức cấp dưỡng.

Các bên thoả thuận được như sau: Bà **Doãn Thị N** yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung **Hà Doãn Li N1**, sinh ngày 05/01/2017 và **Hà Doãn Minh Q**, sinh ngày 03/9/2018 đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự thoả thuận của ông **Hà Xuân T** và bà **Doãn Thị N**. Ông **T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.500.000đồng/1 cháu.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm ghi nhận cho ông bà thuận tình ly hôn và ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên xử: Sửa một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 140/2024/HNGĐ-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc theo hướng ghi nhận về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con. Không xem xét kháng cáo về ly hôn và tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà **N** đảm bảo yêu cầu theo quy định tại Điều 272 và nộp trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, bà **N** đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ pháp luật:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con. Do vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về nội dung kháng cáo:

Bị đơn bà **Doãn Thị N** kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng:

Yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng thửa đất số 608, tờ bản đồ số 23, diện tích 2.778m², **xã B, huyện X**;

Yêu cầu ông **T** cấp dưỡng nuôi hai con chung **Hà Doãn Li N1**, sinh ngày 05/01/2017 và **Hà Doãn Minh Q**, sinh ngày 03/9/2018, với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 5.000.000 đồng/01 cháu cho đến khi các con đủ 18 tuổi;

Bà **N** không đồng ý ly hôn yêu cầu của ông **Hà Xuân T** vì các vấn đề cấp dưỡng, chia tài sản chung chưa được giải quyết, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu ly hôn của ông **T** nếu Tòa án cấp phúc thẩm không giải quyết yêu cầu chia tài sản chung và chấp nhận mức cấp dưỡng như trên.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà **N** kháng cáo đề nghị Tòa án giải quyết không chấp nhận ly hôn với ông **T**.

Xét thấy, ông **T**, bà **N** tự nguyện chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân **xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu** đăng ký kết hôn ngày 28/9/2016. Như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông **T** trình bày rằng, sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc như mong đợi do thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về tính cách và quan điểm sống. Áp lực từ công việc và vấn đề kinh tế gia đình cũng khiến hai bên có những lời nói và hành động làm tổn thương lòng tự trọng của nhau. Vì không muốn ảnh hưởng đến tương lai con cái, ông **T** đã cố gắng duy trì cuộc hôn nhân. Tuy nhiên, đến năm 2023, mâu thuẫn giữa hai người trở nên trầm trọng và kéo dài cho đến nay, ông xác định không còn tình cảm với bà **N** nữa và mong muốn được ly hôn với bà **N**.

Về phía bà **N**, bà trình bày rằng, vợ chồng bà sống hạnh phúc đến năm 2023 ông **T** ngoại tình với người phụ nữ khác rồi đòi ly hôn với bà, bà xác định mặc dù vợ chồng bà vẫn sống chung nhà với nhau nhưng hiện nay cả hai không còn quan tâm đến nhau, không còn quan hệ gì về mặt tình cảm lẫn kinh tế. Tuy nhiên bà **N** vẫn không đồng ý ly hôn với ông, bà mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Tại phiên Toà phúc thẩm bà **N** thay đổi yêu cầu kháng cáo đề nghị hội đồng xét xử không xem xét lại việc ly hôn, thấy việc thay đổi yêu cầu kháng cáo của bà **N** trong phạm vi kháng cáo, không ảnh hưởng đến các nội dung kháng cáo khác, việc rút đơn là phù hợp căn cứ vào khoản 2 Điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ nên chấp nhận.

[2.3]. Về con chung:

Ông T và bà N có hai con chung là Hà Doãn Li N1, sinh ngày 05/01/2017 và Hà Doãn Minh Q, sinh ngày 03/9/2018. Tại phiên toà sơ thẩm, bà N đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng hai con, ông T đồng ý giao hai con cho bà N nuôi dưỡng theo quy định tại các điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vấn đề này các đương sự không kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về mức cấp dưỡng nuôi con:

Tại phiên toà phúc thẩm ông Hà Xuân T đề nghị mức cấp dưỡng là 2.500.000đồng/1tháng/cháu; bà Doãn Thị N đồng ý mức cấp dưỡng 2.500.000 đồng/1 tháng/ 1 cháu. Việc thoả thuận này là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận này.

[2.4] Về tài sản chung:

Trong quá trình tố tụng, ông T không yêu cầu chia tài sản. Bà N vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên họp tiếp cận công khai tài liệu chứng cứ lần thứ nhất, đến phiên hòa giải và phiên họp tiếp cận công khai tài liệu chứng cứ lần thứ hai bà N có ý kiến sẽ làm đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, Tòa án ấn định thời hạn cho bà N làm đơn yêu cầu và cung cấp tài liệu chứng cứ kèm theo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 12/7/2024 để Tòa án có cơ sở xem xét. Tuy nhiên trong thời hạn 15 bà N cũng không nộp đơn yêu cầu và các tài liệu chứng cứ kèm theo được quy điều 202, 189 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử thì bà N mới nộp bản tự khai đề ngày 21/8/2024 và đơn phản tố ngày 04/9/2024 có nội dung yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là thửa đất số 608, tờ bản đồ số 23, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, việc làm đơn của bà N là sau thời điểm Tòa án ấn định và sau phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải. Do đó Toà án cấp sơ thẩm dành quyền khởi kiện cho bà N đối với yêu cầu chia tài sản chung trong vụ án hôn nhân gia đình khác sau khi ly hôn là phù hợp quy định của pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm bà N thay đổi yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, nếu có yêu cầu sẽ đề nghị giải quyết ở vụ án khác. Việc bà N thay đổi yêu cầu là trong phạm vi kháng cáo, việc rút kháng cáo là phù hợp với pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 cần chấp nhận.

[2.5] Về nợ chung: Bà N và ông T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[3.2] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 1, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, do kháng cáo của bà **N** được chấp nhận, hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên bà **N** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 19, 37, 51, 56, 57, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 85, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 271, 273, 284 và Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 357, 463, 465, 466, 468 và 469 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà **Doãn Thị N**, sửa một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 140/2024/HNGĐ-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Hà Xuân T** về việc xin ly hôn với bà **Doãn Thị N**.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông **Hà Xuân T** được ly hôn với bà **Doãn Thị N**.

1.2 Về con chung: Giao hai cháu **Hà Doãn Li N1**, sinh ngày 05/01/2017 và **Hà Doãn Minh Q**, sinh ngày 03/9/2018 cho bà **N** trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 tuổi.

1.3 Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự ông **Hà Xuân T** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu một tháng 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm đồng) cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ông **Hà Xuân T** được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

1.4 Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm: Ông **Hà Xuân T** phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004614 ngày 13-5-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Như vậy, ông **T** còn phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí.

- Về án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho bà **Doãn Thị N** số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005039 ngày 04/10/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc.

3. Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

4. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc,
- TAND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THA DS huyện Xuyên Mộc;
- Các đương sự.
- Lưu: Tòa Dân sự, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Trọng Hải

